

TỔNG QUAN VỀ DỊCH VỤ XÃ HỘI

I. KHÁI NIỆM, ĐẶC TRƯNG VÀ BẢN CHẤT CỦA DỊCH VỤ XÃ HỘI:

1. Khái niệm “dịch vụ” và “dịch vụ xã hội”:

Dịch vụ: Dịch vụ là những hoạt động lao động mang tính xã hội, tạo ra các sản phẩm hàng hóa tồn tại chủ yếu dưới hình thái vô hình, không dẫn đến việc chuyển quyền sở hữu nhằm thỏa mãn kịp thời các nhu cầu sản xuất và đời sống của con người.

Dịch vụ xã hội: Dịch vụ xã hội là những dịch vụ đáp ứng các nhu cầu cộng đồng và cá nhân nhằm phát triển xã hội, có vai trò đảm bảo phúc lợi và công bằng xã hội, đề cao giá trị đạo lý, nhân văn, vì con người, là hoạt động mang bản chất kinh tế - xã hội, do nhà nước, thị trường hoặc xã hội dân sự cung ứng, tùy theo tính chất thuần công, không thuần công hay tư của từng loại hình dịch vụ, bao gồm các lĩnh vực: giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ, văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao và các trợ giúp xã hội khác.

2. Đặc trưng, mối quan hệ giữa dịch vụ xã hội với dịch vụ công và dịch vụ kinh tế:

2.1. Dịch vụ xã hội với dịch vụ công

Dịch vụ công: Là những dịch vụ đáp ứng các nhu cầu cơ bản, thiết yếu của người dân và cộng đồng, đảm bảo ổn định và công bằng xã hội do nhà nước chịu trách nhiệm, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận. Dịch vụ công gồm ba bộ phận: dịch vụ hành chính công, dịch vụ sự nghiệp và dịch vụ công ích.

Dịch vụ hành chính công: Là các dịch vụ thuộc trách nhiệm của nhà nước, phục vụ trực tiếp cho các tổ chức và công dân theo luật định nhằm đảm bảo xã hội vận hành theo trật tự và quy tắc quản trị xã hội của cơ quan quyền lực nhà nước mà không thể ủy thác cho bất cứ cá nhân hoặc tổ chức nào ngoài cơ quan hành pháp thực hiện, bao gồm: cấp phép; cấp giấy xác nhận; công chứng giấy tờ; giữ gìn trật tự nơi công cộng, phòng chống thiên tai.

Dịch vụ sự nghiệp công: Chủ yếu cung cấp các hàng hóa công dưới dạng phúc lợi công cộng cho dân cư như: giáo dục, y tế, văn hóa, khoa học, thể dục, thể thao, nghỉ ngơi, giải trí, bảo hiểm, an sinh xã hội...

Dịch vụ công ích: Là hoạt động cung cấp các hàng hóa dịch vụ có tính chất kinh tế đáp ứng nhu cầu vật chất thiết yếu cho sinh hoạt của người dân, gắn với việc cung ứng các cơ sở hạ tầng kỹ thuật cơ bản như: cung cấp nước sinh hoạt, thoát nước, vệ sinh môi trường, cây xanh, chiếu sáng, giao thông, vận tải công cộng, tài chính, ngân hàng, kho bạc nhà nước, bảo hiểm, nhà ở xã hội...

2.2. Dịch vụ xã hội với dịch vụ kinh tế

Dịch vụ xã hội có quan hệ tương tác cộng sinh với dịch vụ kinh tế. Cộng sinh bởi chúng cùng tham gia vào tăng trưởng kinh tế, cơ cấu lại nền kinh tế, giải quyết công ăn việc làm, dịch vụ này tạo khả năng phát triển cho dịch vụ khác. Kết quả tăng trưởng của dịch vụ kinh tế tạo nguồn thu để đầu tư phát triển, mở rộng quy mô, hiện đại hóa khu vực dịch vụ xã hội xét cả trên phạm vi quốc gia, địa phương lẫn mỗi doanh nghiệp.

Phát triển dịch vụ kinh tế thuần túy còn tạo nên thị trường giải quyết đầu ra của sản phẩm dịch vụ xã hội như: việc làm, sở hữu trí tuệ khi có những con người đủ sức khỏe, tâm lý lành mạnh, đủ sức sáng tạo, phát minh, sáng chế. Ngược lại, dịch vụ xã hội lại tạo yếu tố đầu vào quan trọng góp phần nâng cao sức cạnh tranh của dịch vụ kinh tế thuần túy bằng phát triển nguồn nhân lực có trình độ, văn hóa, được chăm sóc sức khỏe tốt.

Đồng thời, dịch vụ xã hội có khác biệt với dịch vụ kinh tế. Khác biệt trước hết thể hiện ở chỗ dịch vụ kinh tế thường đặt mục tiêu lợi nhuận là cao nhất, còn dịch vụ xã hội không chỉ vì mục tiêu lợi nhuận mà bị điều tiết bởi yếu tố đạo đức, nhân văn; một bên đánh giá chất lượng bằng giá cả trên thị trường còn bên kia lại đánh giá bằng mức độ hài lòng của khách hàng và cộng đồng xã hội trong cả một quá trình lâu dài.

2.3. Đặc trưng của dịch vụ xã hội

Chất lượng dịch vụ xã hội không thể thuần túy được đánh giá bằng giá cả trên thị trường như các dịch vụ khác mà chủ yếu được xem xét ở mức độ hài lòng của người dân với số lượng, cơ cấu, phương thức, thời gian, không gian, sự thuận tiện, trình độ văn minh, ứng xử văn hóa... trong cung ứng dịch vụ.

Hiệu quả của hầu hết các dịch vụ xã hội không chỉ được xem xét ở khả năng tác động đến sự phát triển của cá nhân đối tượng thụ hưởng dịch vụ mà còn xem xét các tác động gián tiếp đối với toàn thể xã hội; không chỉ thu được kết

quả ngay lập tức khi diễn ra hoạt động dịch vụ mà còn kéo dài cả một quá trình sau đó gắn với chu trình trưởng thành của con người, của lao động cũng như sự phát triển xã hội lành mạnh, hài hòa.

Dịch vụ xã hội tác động đến con người nên bất luận dịch vụ xã hội thuần công, không thuần công hay cả cá nhân thì yếu tố đạo đức, nhân văn luôn là cốt lõi của kết cấu. Thoát ly yếu tố đạo đức, nhân văn trong phát triển dịch vụ xã hội sẽ làm biến dạng bản chất của dịch vụ xã hội, tức là không hướng tới mục tiêu đích thực phát triển con người lành mạnh, hài hòa.

Do dịch vụ xã hội bị chế ước mạnh mẽ của yếu tố đạo đức, nhân văn cho nên các nguyên tắc thị trường vận dụng trong phát triển dịch vụ xã hội không hoàn chỉnh, vai trò của nhà nước và xã hội dân sự được đề cao trong cả tổ chức cung ứng và quản lý dịch vụ.

Dịch vụ xã hội do bị chi phối bởi yếu tố đạo lý, nhân văn - những giá trị phổ quát của nhân loại cho nên phát triển dịch vụ xã hội ngày càng được quan tâm trên cấp độ toàn cầu với sự can dự của các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ xuyên quốc gia. Phát triển dịch vụ xã hội cũng vì thế liên quan trực tiếp đến đảm bảo các quyền con người cơ bản về học hành, chữa bệnh, bình đẳng giới, đảm bảo an sinh và an ninh.

3. Bản chất kinh tế - xã hội của dịch vụ xã hội:

Mang bản chất kinh tế bởi dịch vụ xã hội là đối tượng của kinh tế học dịch vụ, có thể xem xét cả ở khía cạnh kinh tế vĩ mô lẫn khía cạnh kinh tế vi mô. Ở khía cạnh kinh tế vĩ mô, dịch vụ xã hội là một bộ phận hợp thành ngành kinh tế dịch vụ của đất nước mà bất kỳ lựa chọn chiến lược tăng trưởng và phát triển như thế nào đều phải tính đến. Ở khía cạnh kinh tế vi mô, mọi đơn vị cung ứng dịch vụ xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường, có cạnh tranh, luôn phải tự đặt ra và tự giải đáp các câu hỏi: Cần tạo ra dịch vụ gì, dịch vụ cho ai và tổ chức cung ứng dịch vụ như thế nào? Chính vì thế, dịch vụ xã hội trở thành một bộ phận cấu thành ngành kinh tế dịch vụ trong việc tạo ra tổng sản phẩm quốc dân hoặc tổng sản phẩm quốc nội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết lao động và việc làm, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Mang bản chất xã hội bởi dịch vụ xã hội hướng tới mục tiêu phục vụ cho sự phát triển xã hội, dù với tư cách cộng đồng hay cá nhân, được vận hành có

hiệu quả khi có sự tham gia của các chủ thể đa dạng trong xã hội. Bản thân khái niệm “dịch vụ xã hội” tự nó đã nói lên bản chất xã hội của loại hình dịch vụ này.

II. PHÂN LOẠI DỊCH VỤ XÃ HỘI:

1. Phân Loại theo tính chất của dịch vụ xã hội:

Dịch vụ xã hội thuần công: Là những dịch vụ không thể phân bổ theo khẩu phần để sử dụng và cũng không cần thiết định suất sử dụng, bởi vì tiêu dùng của cá nhân này không làm giảm lượng tiêu dùng của cá nhân khác. Không thể và cũng không cần thiết phải định suất cho từng người đối với dịch vụ xã hội thuần công. Người ta thường xem xét tính chất thuần công của dịch vụ xã hội ở hai đặc trưng đó là: không thể loại trừ và không thể tranh giành. Tính chất không thể loại trừ được hiểu trên góc độ tiêu dùng khi mà người này sử dụng không loại trừ người khác cùng sử dụng nó, ví dụ như dịch vụ an ninh quốc phòng là dịch vụ công cộng mà bất cứ công dân nào trong quốc gia cũng được hưởng lợi mà không phải trả tiền. Tính chất không tranh giành được hiểu trên góc độ tiêu dùng, việc một cá nhân này sử dụng hàng hóa đó không ngăn cản người khác đồng thời cùng sử dụng, thường là những hàng hóa vô hình, ví dụ như dịch vụ phát thanh, truyền hình.

Dịch vụ xã hội không thuần công: Là những dịch vụ xã hội không đáp ứng một cách chặt chẽ tính tranh giành và tính loại trừ. Với những dịch vụ này, trong những điều kiện nhất định, việc sử dụng của người này có thể loại trừ và tranh giành quyền tiêu dùng của người khác. Những dịch vụ này có thể chia theo khẩu phần để sử dụng thông qua giá cả, ví dụ như dịch vụ giáo dục, y tế...

Dịch vụ xã hội cá nhân: Là những dịch vụ thỏa mãn nhu cầu của bản thân cá nhân đó, một người nào đó không tiêu dùng thì cũng không ảnh hưởng trực tiếp tới lợi ích toàn xã hội. Loại dịch vụ này chủ yếu tuân theo thị trường, vận hành theo nguyên tắc kinh doanh và đối tượng thụ hưởng dịch vụ phải trả tiền mua dịch vụ, ví dụ như dịch vụ văn hóa, giải trí, vui chơi, xem phim tại rạp, thuê người giúp việc gia đình...

2. Phân loại theo chủ thể cung ứng dịch vụ xã hội:

Chủ thể nhà nước: Dịch vụ xã hội do nhà nước cung ứng phần lớn là thu tiền của người tiêu dùng gián tiếp qua thuế hoặc thu tiền một phần dưới hình thức phí, đó là những dịch vụ thuần công hoặc không thuần công.

Chủ thể doanh nghiệp tư nhân (thị trường):

- Nhà nước chịu trách nhiệm chi trả phí dịch vụ cho người tiêu dùng nhưng không lập tổ chức cung ứng dịch vụ mà ủy quyền cho tư nhân trực tiếp đứng ra cung ứng dịch vụ như trường tư, bệnh viện tư nhưng nhận nguồn lực tài trợ từ chính phủ.

- Tư nhân từ đầu tư nguồn lực phát triển dịch vụ xã hội với cả mục tiêu lợi nhuận và phi lợi nhuận. Đó là những dịch vụ xã hội rất đa dạng trong đời sống như thẩm mỹ viện, chỉnh trang sắc đẹp, nghệ thuật - biểu diễn, văn hóa - giải trí, học tập và chữa bệnh theo nhu cầu, đào tạo nhân lực trong doanh nghiệp, thuê chăm sóc người già, trẻ em...

Chủ thể xã hội dân sự: Chủ thể xã hội dân sự được hiểu ở đây bao gồm các tổ chức xã hội và cộng đồng dân sự và các tổ chức tín ngưỡng - tôn giáo...

3. Phân loại theo cơ chế quản lý tài chính:

Dịch vụ xã hội không thu tiền trực tiếp của người sử dụng mà nhà nước chịu trách nhiệm trả phí:

Dịch vụ nhà nước chịu trách nhiệm trả phí toàn bộ là những dịch vụ xã hội thuần công. Thật ra với những dịch vụ này, nhà nước không thu tiền trực tiếp của người sử dụng mà thu một cách gián tiếp qua thuế đóng góp của mọi người dân.

Dịch vụ xã hội mà người sử dụng dịch vụ phải trả tiền một phần:

Thông thường, đây là những dịch vụ xã hội không thuần công, nhà nước chịu trách nhiệm cung ứng hoặc ủy quyền cho tư nhân cung ứng nhưng vẫn thu một phần chi phí bỏ ra. Phần nhà nước chi trả một phần thu tiền qua thuế, một phần thu của người tiêu dùng được gọi là phí.

Dịch vụ xã hội cá nhân mà người tiêu dùng phải trả tiền toàn bộ:

Đó là những dịch vụ có thể do nhà nước hoặc tư nhân cung cấp nhưng vẫn thu phí bỏ ra như: giáo dục và chữa bệnh theo nhu cầu; đặc biệt là dịch vụ giải trí công nghệ cao, dịch vụ gia đình, các dịch vụ mới nổi như: vật lý trị liệu, dịch vụ làm đẹp...

4. Phân loại dịch vụ xã hội theo các hình thức dịch vụ cụ thể:

Dịch vụ chăm sóc sức khỏe: Là những dịch vụ về khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh. Bảo đảm sức khỏe cho tất cả mọi người được xem như một quyền cơ bản của con người trong thế giới hiện đại, vì vậy quyền được hưởng các dịch vụ y tế không thể để cho thị trường chi phối mà thuộc về trách nhiệm nhà nước.

Dịch vụ giáo dục - đào tạo: Hầu hết các quốc gia trên thế giới đều coi giáo dục là một lĩnh vực dịch vụ công do nhà nước đảm nhiệm, vì nó tạo ra nguồn nhân lực quyết định cho sự phát triển của đất nước. Hơn nữa, nếu để cho thị trường tư nhân cung cấp dịch vụ giáo dục thì sẽ xảy ra tình trạng bất bình đẳng đáng kể giữa người giàu và người nghèo trong việc hưởng thụ những kiến thức chung của nhân loại.

Dịch vụ văn hóa - thông tin - thể thao - khoa học: Văn hóa - thông tin không chỉ đáp ứng nhu cầu xây dựng nền tảng tinh thần cho xã hội, phát triển sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần cho người dân mà còn góp phần duy trì xã hội trong trật tự, ổn định để phát triển.

Dịch vụ cộng đồng và trợ giúp xã hội: Dịch vụ cộng đồng và trợ giúp xã hội ngày càng phát triển gắn với quá trình hoàn thiện chức năng dịch vụ công, đặc biệt đối với các nước theo chủ thuyết xã hội dân chủ. Đó là dịch vụ về trợ giúp người bị rủi ro, thiên tai, tàn tật, người già, trẻ em cơ nhỡ, mồ côi, khuyết tật, tự kỷ, tìm kiếm việc làm. Các dịch vụ này do nhà nước đảm nhiệm hoặc có sự hỗ trợ của khu vực dân sự.

III. CHỨC NĂNG, VAI TRÒ VÀ TIÊU CHÍ ĐO KIỂM SỰ PHÁT TRIỂN CỦA DỊCH VỤ XÃ HỘI:

1. Chức năng của dịch vụ xã hội:

Chức năng xã hội:

Cũng như bất cứ loại hình dịch vụ nào, dịch vụ xã hội trước hết có chức năng phục vụ xã hội, phục vụ con người, góp phần quan trọng tạo nguồn nhân lực - yếu tố quyết định hàng đầu cho sự phát triển xã hội. Đối với các loại hình dịch vụ xã hội thuần công do nhà nước hoặc các tổ chức xã hội cung ứng thể hiện rõ nét nhất bản chất phục vụ của dịch vụ xã hội.

Chức năng kinh tế:

Dịch vụ xã hội cũng hợp thành với các lĩnh vực dịch vụ khác tạo thành ngành dịch vụ. Các tổ chức kinh doanh là chủ thể cung ứng dịch vụ xã hội có lợi nhuận hoặc lợi nhuận không thuần túy. Đối tượng được cung ứng dịch vụ phải có khả năng thanh toán, phải chi trả đầy đủ hoặc chi trả một phần kinh phí dịch vụ mà mình thụ hưởng.

Chức năng chính trị:

Trong xã hội hiện đại, phát triển dịch vụ xã hội còn thể hiện trong nó bản chất chính trị của từng thể chế nhà nước theo đuổi chủ thuyết nhất định. Trên thế giới, có ba mô hình phát triển dịch vụ xã hội gắn với chủ thuyết cầm quyền nhất định: khuynh hữu, khuynh tả và hỗn hợp. Các mô hình khuynh hữu thường đặt dịch vụ xã hội gần hơn với chức năng kinh tế, xem dịch vụ xã hội dưới góc độ hàng hóa tư hoặc hàng hoá không thuần công. Các mô hình khuynh tả đồng nhất dịch vụ kinh tế và dịch vụ xã hội trong dịch vụ công, do nhà nước độc quyền nắm giữ, cung ứng và chi trả phí, tạo nên tính bình quân trọng thụ hưởng dịch vụ của người tiêu dùng. Mô hình hỗn hợp thường kết hợp khéo léo giữa nhà nước với thị trường và xã hội dân sự trong phát triển dịch vụ xã hội, ngày nay được áp dụng phổ biến với các nước dù theo chủ thuyết tân tự do, dân chủ xã hội hoặc chủ nghĩa xã hội.

Chức năng cân bằng xã hội và điều tiết hệ giá trị:

Dịch vụ công có khuynh hướng bị lạm dụng để phục vụ cho mục tiêu chính trị của lực lượng cầm quyền ở các mức độ khác nhau, thậm chí trong các nền chính trị tha hóa thì dịch vụ công cũng bị biến dạng, không còn ý nghĩa công cộng như bản chất của nó. Dịch vụ kinh tế có khuynh hướng tối đa hóa lợi nhuận, thúc đẩy thụ hưởng và ham muốn vật chất vô hạn, ít quan tâm đến trách nhiệm xã hội. Còn dịch vụ xã hội lại có khả năng cân bằng các khuynh hướng cực đoan của dịch vụ công hoặc dịch vụ kinh tế, nhất là khi mục đích của dịch vụ này hướng đến việc tạo nền tảng cho sự phát triển xã hội, định hướng giá trị của con người, giải quyết các quan hệ giữa nhu cầu vật chất và nhu cầu tinh thần, giữa giá trị hữu hình và giá trị vô hình, giữa cái thị trường đòi hỏi và cái bản ngã cần có, giữa đáp ứng yêu cầu trước mắt và nhu cầu phát triển lâu dài, giữa quyền lực và phi quyền lực...

2. Vai trò của dịch vụ xã hội:

- Dịch vụ xã hội với vai trò phục vụ cho đời sống con người, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo nên một yếu tố đầu vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

- Dịch vụ xã hội phát triển thúc đẩy phân công lao động, chuyên môn hóa, tạo điều kiện cho lĩnh vực sản xuất tăng năng suất lao động, đồng thời đáp ứng nhu cầu ngày càng phong phú và đa dạng của xã hội, của cộng đồng và của cá nhân con người.

- Phát triển dịch vụ xã hội còn tạo ra nhiều việc làm, thu hút một số lượng lớn lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp trong nền kinh tế quốc dân.

- Dịch vụ xã hội góp phần thực hiện các chính sách xã hội, đảm bảo công bằng, tiến bộ xã hội như giải phóng phụ nữ, chăm sóc trẻ em, người già, người yếu thế, mở rộng vị thế của lao động trí óc.

- Phát triển dịch vụ xã hội kéo theo việc hình thành các trung tâm khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, văn hóa - nghệ thuật, thể thao chuyên nghiệp, trình độ cao... nhờ đó thúc đẩy đô thị hóa mang tính cân bằng và hài hòa hơn.

- Dịch vụ xã hội góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, hình thành những chuẩn mực giá trị xã hội mới, loại trừ những lệch chuẩn xã hội, nâng cao dân trí, hình thành con người mới đáp ứng yêu cầu của sự phát triển xã hội văn minh, tiến bộ.

3. Tiêu chí cơ bản đo kiểm mức độ phát triển của dịch vụ xã hội:

Về tiêu chí tổng quát:

Dịch vụ xã hội được xem là phát triển khi quy mô, phạm vi bao phủ đáp ứng được nhu cầu đối tượng thụ hưởng; có chức năng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và xây dựng hạ tầng xã hội cho phát triển bền vững; đóng vai trò tích cực trong cân bằng và điều tiết các giá trị xã hội, thúc đẩy xã hội phát triển theo các tiêu chuẩn khách quan của tiến bộ xã hội.

Về tiêu chí cụ thể:

- Mức đầu tư công: Phải chiếm một tỷ lệ cần thiết đủ sức thực hiện công bằng trong thụ hưởng dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu. Mức đầu tư thấp buộc cá nhân phải tự đầu tư cho chi tiêu dịch vụ xã hội công cộng, không những hạn chế

chuyển lượng tiền nhất định từ bên ngoài vào các hộ gia đình mà còn tạo nên bất bình đẳng trong thụ hưởng dịch vụ xã hội cơ bản. Đây là tiêu chí khác nhau căn bản giữa dịch vụ xã hội và dịch vụ kinh tế.

- Tốc độ và quy mô phát triển dịch vụ xã hội: Phải đáp ứng được nhu cầu của con người ở từng giai đoạn phát triển, có vai trò thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, cân bằng được quan hệ cung - cầu.

- Chất lượng của dịch vụ xã hội: Được đo kiểm trước hết ở mức độ hài lòng của khách hàng, bao gồm từ chất lượng sản phẩm, tính chuyên nghiệp của tổ chức cung ứng dịch vụ, điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật, thái độ và năng lực của đội ngũ nhân viên...

- Có sức cạnh tranh trên thị trường dịch vụ xã hội: Đề năng động hóa hoạt động cung ứng, xóa bỏ bao cấp, định hình thị trường dịch vụ xã hội có tính dân chủ, bình đẳng giữa người cung ứng với người thụ hưởng cung ứng.

- Huy động được lực lượng toàn xã hội tham gia phát triển dịch vụ, thực hiện xã hội hóa dịch vụ xã hội trên cả mặt nguồn lực tài chính và nguồn lực phi tài chính.

- Xây dựng và củng cố được tiềm lực của bản thân đơn vị cung ứng dịch vụ xã hội về con người, cơ sở vật chất - kỹ thuật, về bộ máy hoạt động, về cơ chế quản lý và vận hành, thương hiệu, đáp ứng yêu cầu phát triển dịch vụ trước mắt và lâu dài.

- Giá trị tạo ra của dịch vụ xã hội phải thúc đẩy sự phát triển theo các tiêu chuẩn khách quan của tiến bộ xã hội, phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc và tính toán đầy đủ các giá trị phổ quát của nền văn minh nhân loại.

IV. VAI TRÒ, CÁCH THỨC VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NHÀ NƯỚC TRONG CUNG ỨNG DỊCH VỤ XÃ HỘI:

1. Vai trò của nhà nước trong đảm bảo các dịch vụ xã hội thuần công:

Đối với dịch vụ xã hội thuần công như phổ cập tiểu học, trung học cơ sở; tiêm chủng, y tế cộng đồng; nghiên cứu cơ bản trong khoa học; bảo tồn văn hóa dân tộc... nếu để tư nhân cung ứng thì họ sẽ thu phí dịch vụ và những người không có khả năng chi trả sẽ không sử dụng được dịch vụ, do vậy dẫn đến những hệ lụy đối với toàn xã hội. Những người không đủ khả năng chi trả phí dịch vụ bị loại trừ ra khỏi phần thụ hưởng của dịch vụ, không chỉ ảnh hưởng đến

quyền lợi của cá nhân mà còn tổn hại đến xã hội. Ngoài ra, tư nhân cũng không đủ quyền lực và vốn liếng để huy động các nguồn lực cần thiết cung ứng các dịch vụ xã hội thuần công.

Nhu cầu khách quan quy định trách nhiệm của nhà nước đảm bảo các dịch vụ xã hội thuần công xuất phát từ chức năng xã hội của nhà nước. Bất kỳ nhà nước nào ra đời và tồn tại cũng có hai chức năng cơ bản là chức năng thống trị về chính trị và chức năng xã hội. Xã hội càng phát triển thì chức năng xã hội càng mở rộng, theo đó cung ứng dịch vụ công trở thành một nhiệm vụ cơ bản của nhà nước.

2. Các mô hình và cách thức can thiệp của nhà nước đối với hoạt động cung ứng dịch vụ xã hội:

2.1. Các mô hình nhà nước can thiệp vào hoạt động cung ứng dịch vụ xã hội

Mô hình độc quyền nhà nước trong cung ứng dịch vụ xã hội:

Trong mô hình này, nhà nước đóng vai trò chủ thể duy nhất cung ứng dịch vụ xã hội, bất kể đó là dịch vụ xã hội thuần công, không thuần công hay dịch vụ tư. Nhà nước đưa ra lý do phải độc quyền nhà nước do tình trạng bất bình đẳng nếu để tư nhân đảm nhận và chỉ có nhà nước mới có khả năng đem lại công bằng nhất trong phân phối dịch vụ đối với người tiêu dùng.

Mô hình nhà nước can thiệp vào hoạt động cung ứng dịch vụ xã hội bằng cách dựa vào quy luật của thị trường:

Trong mô hình này, nhà nước đóng vai trò là nhà hoạch định chính sách, còn cung ứng dịch vụ xã hội không thuần công và dịch vụ xã hội cá nhân thông qua ủy quyền tối đa cho các chủ thể ngoài nhà nước. Đặc trưng cơ bản của mô hình này là Nhà nước chỉ giữ vai trò hoạch định chiến lược cung ứng dịch vụ xã hội và để cho quy luật của thị trường chi phối trong quá trình cạnh tranh cung ứng dịch vụ; Cung ứng các dịch vụ xã hội chất lượng cao theo khả năng chi trả của người dân; Giảm bớt sự quản lý của chính quyền trung ương, tăng cường phân quyền cho chính quyền vùng, chính quyền địa phương và tổ chức cộng đồng trong cung ứng dịch vụ xã hội; Lượng hóa chất lượng dịch vụ để định giá, đo lường đối với hoạt động cung ứng dịch vụ của các tổ chức cá nhân; Tăng

cạnh tranh trong cung ứng dịch vụ xã hội và tiếp thu yếu tố mới về các mục tiêu công cộng cần đạt tới một cách linh hoạt.

Mô hình nhà nước can dự vào hoạt động cung ứng dịch vụ xã hội bằng chia sẻ trách nhiệm giữa nhà nước với thị trường và xã hội dân sự:

Đây là mô hình hỗn hợp nhằm phát huy những ưu điểm của nhà nước, thị trường và xã hội dân sự trong quản lý phát triển dịch vụ xã hội được lựa chọn ở nhiều quốc gia. Cốt lõi của mô hình này là nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức cung ứng các dịch vụ xã hội thuần công một cách công bằng, ổn định và phi lợi nhuận nhưng không phải độc quyền tổ chức cung ứng mà có thể ủy quyền cho doanh nghiệp thực hiện theo cơ chế thị trường hoặc khu vực dân sự nhưng vẫn không mất định trách nhiệm của nhà nước; Tôn trọng vai trò của thị trường trong tổ chức cung ứng các dịch vụ xã hội mang tính cá nhân, vì mục tiêu phi lợi nhuận; mở rộng vai trò của các tổ chức phi lợi nhuận trong cung ứng dịch vụ xã hội ở cấp độ cộng đồng.

2.2. Các cách thức can thiệp của nhà nước đối với việc tổ chức và cung ứng dịch vụ xã hội

Nhà nước thành lập các tổ chức đứng ra cung ứng dịch vụ xã hội:

Hình thức này chiếm vai trò tuyệt đối trong mô hình nhà nước xã hội chủ nghĩa trước đây mà lý do thường được viện dẫn là nhằm khắc phục thất bại của thị trường. tăng phúc lợi công cộng, đảm bảo công bằng trong phân phối. Trong xu hướng hiện nay không thể biến độc quyền nhà nước thành độc quyền của đơn vị cung ứng, nhằm tạo nên sự năng động của các tổ chức này, nhà nước thường áp dụng hình thức ký hợp đồng với các doanh nghiệp công ích hoặc đơn vị sự nghiệp, tạo ra sự cạnh tranh trong việc giành các hợp đồng dịch vụ từ nhà nước.

Nhà nước không trực tiếp cung ứng mà can thiệp gián tiếp đến việc cung ứng các dịch vụ xã hội nhằm đảm bảo các mục tiêu xã hội mà nhà nước đề ra:

- Nhà nước sử dụng hệ thống luật pháp để điều tiết về kiểm soát các doanh nghiệp và các tổ chức tư nhân trong việc cung ứng dịch vụ xã hội theo yêu cầu của nhà nước, như cho phép tư nhân mở bệnh viện, lập trường đại học tư, lập tổ chức biểu diễn văn hóa - văn nghệ... nhưng quy định về mức phí dịch vụ, về đảm bảo quyền của người thụ hưởng dịch vụ.

- Nhà nước sử dụng các biện pháp miễn giảm thuế hoặc trợ cấp cho những tổ chức tư nhân cung ứng các dịch vụ xã hội. Miễn thuế hoặc trợ cấp của nhà nước là cách thức đảm bảo cho người tiêu dùng dịch vụ có mức giá thấp hơn giá trị thực tế nếu trao đổi trên thị trường.

- Nhà nước trợ cấp cho những người tiêu dùng qua thuế hoặc trợ cấp trực tiếp như: cấp phí cho học sinh tiểu học bằng phát phiếu học tập để lực lượng này có thể học ở bất cứ trường nào; trợ cấp học bổng hoặc cho vay đối với sinh viên đại học; trợ cấp hoặc miễn thuế cho các chương trình nghiên cứu cơ bản; trợ cấp cho bệnh nhân qua bán thuốc giá thấp ở bệnh viện công hoặc trợ cấp một phần qua bảo hiểm y tế.

- Thu hút tư nhân tham gia cung ứng dịch vụ xã hội nhưng phải chịu sự điều tiết của nhà nước để đảm bảo hoạt động đúng chiến lược của nhà nước.

3. Nguồn tài chính đảm bảo cho cung ứng dịch vụ xã hội:

Thuế là tiền thu của các tổ chức, doanh nghiệp, công dân trong xã hội theo pháp luật để chính quyền có nguồn lực tài chính hoạt động, tái phân phối thu nhập, điều tiết các hoạt động kinh tế - xã hội. Thuế là điều kiện cần thiết cho duy trì quyền lực công cộng của nhà nước và không được hoàn trả trực tiếp cho những người nộp thuế mà phục vụ họ gián tiếp thông qua hoạt động của chính phủ và cung ứng các hàng hóa - dịch vụ công cộng. Nhờ thông qua cung ứng hàng hóa - dịch vụ công cộng không thu tiền hoặc thu một phần tiền, nhờ điều tiết qua thuế, mà mức sống chênh lệch giữa các nhóm dân cư, các vùng miền được điều tiết, khắc phục bất bình đẳng xã hội.

Để có nguồn tài chính công đảm bảo cung ứng cho các dịch vụ xã hội thuần công và không thuần công buộc nhà nước phải định ra mức thuế như thế nào để vừa khuyến khích sản xuất, vừa khuyến khích tiêu dùng, đồng thời đảm bảo cho bộ máy nhà nước có kinh phí cần thiết thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ công của mình.

4. Tác động từ sự can thiệp quá mức của nhà nước vào cung ứng dịch vụ xã hội:

4.1. Khi nhà nước trực tiếp cung ứng dịch vụ thông qua hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập

Do việc tiêu dùng một số dịch vụ xã hội không thuần công không thể phân chia theo khẩu phần nên việc sử dụng dịch vụ đó không thể bằng nhau giữa các cá nhân. Chẳng hạn như một số người thường xuyên đến các công viên để vui chơi, giải trí, tập thể thao trong khi một số khác lại không bao giờ sử dụng dịch vụ này.

Việc nhà nước cung ứng công cộng một số dịch vụ xã hội không thuần công như thuốc men chắc chắn sẽ dẫn đến sự tiêu dùng quá mức. Vì không phải trả tiền nên cá nhân sẵn sàng sử dụng dịch vụ nhiều hơn mức cần thiết, kể cả lấy thuốc về chưa hẳn đã sử dụng theo đơn kê của bác sĩ.

4.2. Khi nhà nước để cho tư nhân cung ứng các dịch vụ và chỉ can thiệp gián tiếp đến các hoạt động này

Khi nhà nước sử dụng quy chế hoặc quy định mức giá cho một loại dịch vụ nào đó sẽ đến đến hậu quả nếu quy định quá rộng thì nhiều người không cần sự giúp đỡ vẫn nhận được sự trợ giúp, còn khi quy định quá chặt chẽ lại dẫn đến chỗ phủ nhận sự giúp đỡ đối với những người đáng được hưởng.

Việc nhà nước trợ cấp hoặc miễn giảm thuế cho các tổ chức tư nhân cung cấp dịch vụ xã hội công cộng thường kéo theo những hậu quả như nhà nước khó xác định mức giảm thuế hoặc trợ cấp bao nhiêu là vừa. Các tổ chức tư nhân này sẽ luôn tìm cách để tăng trợ cấp hoặc được giảm thuế nhiều hơn.

4.3. Việc nhà nước ký hợp đồng với các tổ chức tư nhân cung cấp dịch vụ xã hội công cộng

Khó xác định một cách chính xác đặc điểm của dịch vụ cần được cung cấp và đảm bảo chất lượng mong muốn như cho phép tư nhân mở trường tư thì nhà nước phải quan tâm, giám sát, kiểm tra trực tiếp chất lượng giảng dạy.

Khi tổ chức ký kết hợp đồng với tư nhân, trong nhiều trường hợp có ít người tham gia đấu thầu, do đó, người thắng thầu sẽ được lợi rất lớn, nhất là đối với những dự án dài hạn.

V. SỰ THAM GIA CỦA THỊ TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI TRONG CUNG ỨNG DỊCH VỤ XÃ HỘI - XU HƯỚNG, VAI TRÒ VÀ GIỚI HẠN:

1. Sự chuyển giao cho tư nhân cung ứng một số dịch vụ xã hội không thuần công và dịch vụ xã hội cá nhân:

Sự phát triển của cách mạng khoa học - công nghệ giúp khu vực tư nhân có thể tiếp nhận một số dịch vụ trước đây do nhà nước đảm nhận. Nhiều ngành trước đây đòi hỏi nhiều nhân lực do nhà nước chi trả lương thì trước thành quả của cách mạng khoa học - công nghệ chỉ cần ít nhân lực chất lượng cao, chủ yếu là phương tiện công nghệ tinh vi nên tư nhân có thể đầu tư nhằm mang lại lợi nhuận.

Sự cải thiện mức sống ngày càng cao hơn, đặc biệt là xu hướng trung lưu hóa ở các nước phương Tây đã làm cho cá nhân có thể tự mua sắm cho mình những thứ mà trước đây thường phải được sử dụng công cộng.

Sự kém hiệu quả và thiếu năng động của khu vực công so với khu vực tư. Nếu như các tổ chức tư nhân thường xuyên đứng trước sự cạnh tranh, nguy cơ rủi ro, bấp bênh thì các tổ chức của nhà nước giữ độc quyền tự nhiên nên không gặp phải đối thủ cạnh tranh, không phải hạch toán kinh doanh lỗ lãi, thiếu động lực để nâng cao chất lượng dịch vụ. Tính kém hiệu quả và thiếu năng động của khu vực công do sự trợ giúp và ưu đãi của nhà nước dưới nhiều hình thức như bao cấp tín dụng, vật tư, lãi suất, thời hạn trả nợ, thuế, thậm chí nhà nước còn xóa cả những khoản nợ nếu không đủ khả năng trả, có điều kiện thuận lợi trong tiếp cận các nguồn lực đất đai, giữ độc quyền cung ứng dịch vụ. Các tổ chức do nhà nước lập ra về mặt nguyên tắc phải chịu sự chi phối của nhà nước nhằm phục vụ cho mục tiêu xã hội, đáp ứng nhu cầu công cộng. Như sự can thiệp nhiều khi lại quá mức đã triệt tiêu các động lực và quyền tự chủ của các đơn vị, nhất là can thiệp vào mức phí. Các tổ chức nhà nước cũng thường được giao thêm nhiều chức năng xã hội khác không thể từ chối như một số tổ chức tư nhân hoặc sự can thiệp của nhà nước nhiều khi còn lấn sâu vào các công việc chuyên ngành, làm cho các đơn vị thiếu linh hoạt, gây tâm lý ỷ lại và cản trở quá trình năng động hóa.

2. Chủ thể của xã hội dân sự với hoạt động cung ứng dịch vụ xã hội ở Việt Nam:

2.1. Cung ứng dịch vụ xã hội qua các tổ chức dân sự truyền thống

Về phạm vi và loại hình dịch vụ:

Ở nước ta, hoạt động cung ứng dịch vụ xã hội của các tổ chức dân sự truyền thống đã có mặt ở nhiều lĩnh vực của đời sống như: y tế, giáo dục, văn hóa - nghệ thuật, thể thao, trợ giúp xã hội.

Về đặc điểm của dịch vụ:

Các tổ chức dân sự truyền thống cung ứng dịch vụ xã hội công cộng có đặc điểm như mọi tổ chức dân sự khác là tuân thủ nguyên tắc tự nguyện, tự lập, tự dưỡng. Hay nói cách khác, nó được lập ra không xuất phát từ quyết định hành chính, từ ý chí của quyền lực mà từ tính tự nguyện của các nhóm xã hội. Các hoạt động cung ứng dịch vụ xã hội trong truyền thống Việt Nam đều mang tính phi lợi nhuận, xuất phát từ đạo lý nhân văn, nhân đạo, tương thân tương ái.

Về vai trò, chức năng của dịch vụ:

Từ sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay, bên cạnh chủ thể nhà nước cung ứng dịch vụ xã hội thì các chủ thể xã hội dân sự vẫn có vai trò hỗ trợ. Trong điều kiện nhà nước luôn gặp giới hạn trong cung ứng dịch vụ xã hội thì thị trường có xu hướng chạy theo lợi nhuận, cản trở cơ hội tiếp cận dịch vụ xã hội của người nghèo, các chủ thể xã hội dân sự ngày càng được nhìn nhận tích cực hơn trong cung ứng dịch vụ xã hội. Vai trò dịch vụ xã hội của xã hội dân sự được đề cao vì không chạy theo lợi nhuận; bảo tồn bản sắc dân tộc, theo đuổi hệ giá trị cao cả vì con người, vì nhân sinh.

Về giới hạn của các hình thức cung ứng dịch vụ xã hội truyền thống:

Các dịch vụ xã hội này chỉ tồn tại với quy mô nhỏ, phù hợp với cộng đồng, khó phát triển thành quy mô lớn, khó ứng dụng khoa học - công nghệ.

Kiến thức và kỹ thuật của dịch vụ xã hội truyền thống dựa trên tri thức kinh nghiệm mang tính trao truyền, không được lưu giữ qua sách vở, không được đào tạo qua học được nên rất dễ bị thất truyền hoặc bị biến dạng nếu thiếu người có tâm để truyền đạt.

Tri thức kinh nghiệm cũng có những giới hạn của nó, nếu không được hiện đại hóa trong quá trình mở rộng và phát triển dịch vụ, đặc biệt là tri thức chăm sóc sức khỏe.

Các dịch vụ xã hội truyền thống về bản chất đề cao đạo lý, phi lợi nhuận nhưng đang chịu thách thức rất lớn của kinh tế thị trường, đặc biệt là dịch vụ chăm sóc sức khỏe, dạy võ truyền thống...

Cũng do tính chất trao truyền của tri thức nên rất khó bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ khi xảy ra xung đột, tranh chấp bản quyền.

2.2. Tổ chức cung ứng dịch vụ xã hội qua tổ chức phi lợi nhuận

Tổ chức phi lợi nhuận do cá nhân hoặc tổ chức xã hội tự nguyện lập ra, tự túc về tài chính, tự quản trong điều hành, thu nhập của nó không được chia cho bộ phận quản trị, điều hành hay thành viên tham gia mà nhằm phục vụ lợi ích cộng đồng hoặc xã hội nói chung.

Tổ chức phi lợi nhuận không có nghĩa là tổ chức đó không tạo ra lợi nhuận mà lợi nhuận thu được không được chia dưới dạng cổ tức cho các cá nhân góp vốn, chỉ được sử dụng tái đầu tư mở rộng và phát triển dịch vụ công cộng.

Các tổ chức này có hội đồng quản trị với nhiệm vụ đề ra phương hướng phát triển thị trường, bổ nhiệm các giám đốc điều hành. Hội đồng này thường gồm những người có uy tín trong xã hội hoặc có đóng góp tài chính của cá nhân rất lớn vào tổ chức. Tổ chức phi lợi nhuận có quỹ bảo trợ, tiền lãi từ đầu tư của quỹ này, cộng với tiền đóng góp của bảo trợ viên và học phí dùng làm chi phí hoạt động cho tổ chức.

VI. VẤN ĐỀ XÃ HỘI HÓA DỊCH VỤ XÃ HỘI Ở NƯỚC TA:

1. Khái niệm xã hội hóa và xã hội hóa dịch vụ xã hội:

Xã hội hóa được định nghĩa là làm cho trở thành của chung của xã hội. Quan niệm này bắt nguồn từ chính quá trình phát triển sản xuất của nhân loại, xã hội hóa chính là quá trình chuyển biến từ một nền sản xuất có tính chất cá nhân, tư hữu sang một nền sản xuất mang tính chất công cộng, công hữu.

Xã hội hóa được sử dụng để chỉ sự tăng cường chú ý quan tâm, sự tham gia rộng rãi của xã hội về cả vật chất lẫn tinh thần vào một số hoạt động mà trước đó chỉ được một đơn vị, một bộ phận hay một ngành chức năng nhất định thực hiện; là một phương châm hành động của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội, từ vi mô đến vĩ mô nhằm phát huy nội lực, huy động cộng đồng hay huy động vốn xã hội từ nhân dân.

Với cách hiểu như vậy có thể quan niệm: Xã hội hóa các dịch vụ xã hội là quá trình mở rộng, huy động sự tham gia của các chủ thể đa dạng trong xã hội (doanh nghiệp, các tổ chức xã hội dân sự, gia đình, người dân) và tăng cường vai trò, trách nhiệm của Nhà nước nhằm mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng

và thực hiện công bằng xã hội trong đóng góp, thụ hưởng và quản lý phát triển các dịch vụ xã hội.

2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xã hội hóa dịch vụ xã hội:

Quan điểm về xã hội hóa bắt đầu xuất hiện từ Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII (1993) là: “Đa dạng hóa các hình thức chăm sóc sức khỏe trong đó y tế nhà nước là chủ đạo”. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (1996), xã hội hóa trở thành một trong những quan điểm lớn để thực thi các chính sách xã hội và thuật ngữ “xã hội hóa” được chính thức đưa vào văn kiện: “Các vấn đề chính sách xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hóa. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt đồng thời động viên mỗi người dân, các doanh nghiệp, các tổ chức trong xã hội, các cá nhân và tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết những vấn đề xã hội”.

Nghị quyết đại hội IX tiếp tục khẳng định: “Các chính sách xã hội được tiến hành theo tinh thần xã hội hóa, đề cao trách nhiệm của chính quyền các cấp, huy động các nguồn lực trong nhân dân và sự tham gia của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội”. Như vậy theo quan điểm khởi đầu của Đảng ta, xã hội hóa chính là huy động nguồn lực từ trong nhân dân và sự tham gia của người dân vào việc giải quyết các vấn đề thuộc chính sách xã hội của Nhà nước.

3. Nội dung, bản chất xã hội hóa dịch vụ xã hội:

Xã hội hóa dịch vụ xã hội là vận động và tổ chức sự tham gia rộng rãi của nhân dân, của toàn xã hội vào sự phát triển các dịch vụ xã hội nhằm từng bước nâng cao mức hưởng thụ về giáo dục, y tế, văn hóa và sự phát triển về thể chất và tinh thần của nhân dân.

Xã hội hóa là xây dựng cộng đồng trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân đối với việc tạo lập và cải thiện môi trường kinh tế - xã hội lành mạnh và thuận lợi cho các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa ở mỗi địa phương, đây là cộng đồng trách nhiệm của đảng bộ, chính quyền, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp đóng tại địa phương và của từng người dân.

Xã hội hóa không chỉ được hiểu là huy động nguồn tài chính đầu tư mà cả trí tuệ, cách thức quản lý, chuyển đổi chủ thể tổ chức cung ứng theo hướng đa dạng hóa, khắc phục mọi hình thức độc quyền nhà nước hoặc độc quyền tư nhân, đảm bảo các chủ thể trong xã hội đều có cơ hội tham gia nhằm bổ sung lợi

thể, khắc phục bất lợi thể và kiểm soát lẫn nhau trong cung ứng dịch vụ xã hội. Nói cách khác, xã hội hóa là quá trình mở rộng sự tham gia của các đối tác xã hội với nhiều phương thức và mô hình linh hoạt để chia sẻ trách nhiệm xã hội cùng với Nhà nước trong việc giải quyết các vấn đề xã hội hướng vào mục tiêu phát triển con người và phát triển bền vững đất nước.

4. Xu hướng xã hội hóa dịch vụ xã hội ở nước ta hiện nay:

Về bản chất, Nhà nước xã hội chủ nghĩa là Nhà nước của dân, do dân, vì dân, thực sự đại diện cho đại đa số nhân dân trong xã hội. Do đó, Nhà nước có trách nhiệm chăm lo giải quyết các vấn đề của xã hội. Nhưng Nhà nước không thể ôm đồm, bao cấp hết tất cả mọi dịch vụ xã hội, mà đóng vai trò là trụ cột, xương sống của hệ thống tổ chức quản lý và phát huy sức mạnh của nhân dân, của các tổ chức xã hội trong việc giải quyết các nhu cầu xã hội.

Xã hội hóa dịch vụ xã hội là một chủ trương có tính chiến lược, thể hiện đường lối phát triển dịch vụ xã hội của Đảng và Nhà nước ta. Khi đất nước còn nghèo thì xã hội hóa dịch vụ xã hội sẽ tạo ra một sức mạnh về nhân lực, vật lực và tài lực cho sự nghiệp phát triển dịch vụ xã hội. Khi kinh tế - xã hội phát triển, đất nước giàu có hơn thì xã hội hóa dịch vụ xã hội vẫn tiếp tục được thực hiện mạnh mẽ hơn, vì đó chính là sự nghiệp của dân, do dân và vì dân.

Quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tạo điều kiện hình thành và phát triển các tổ chức xã hội dân sự. Đến lượt mình, các tổ chức này lại có tác động không nhỏ đến vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội nói chung và trong quản lý, tổ chức cung ứng dịch vụ xã hội nói riêng.

Xu hướng chung của xã hội hóa dịch vụ xã hội ở các nền kinh tế phát triển có ba nội dung chính:

- Cho phép các chủ thể phi nhà nước cung cấp các dịch vụ xã hội. Các cơ sở cung ứng dịch vụ xã hội có thể do khu vực tư nhân quản lý và điều hành mặc dù vẫn nhận một phần nguồn tài chính từ chính phủ.

- Thông qua các nguồn tài chính từ xã hội thay vì sử dụng ngân sách của chính phủ. Trong trường hợp này, người sử dụng dịch vụ xã hội sẽ trực tiếp trả phí.

- Chuyển trách nhiệm quy định, điều tiết, duy trì tín nhiệm và quyết sách trong cung ứng dịch vụ xã hội từ Nhà nước sang xã hội. Chất lượng dịch vụ xã hội sẽ được kiểm soát và đánh giá bởi chính người sử dụng dịch vụ. Người tiêu dùng sẽ quyết định lựa chọn sử dụng dịch vụ của các nhà cung cấp khác nhau theo cơ chế thị trường.



TTBD ĐBDC

